SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
**BỆNH VIỆN ĐKKV TRÀ BỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 712 /QĐ-BVĐKKVTB

*Trà Bồng, ngày 09 tháng 9 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu**
**Gói thầu: Mua sắm hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Trà Bồng.**

## GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TRÀ BỒNG

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH 15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám chữa bệnh;*

*Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;*

*Căn cứ Luật số 90/2025/QH14 ngày 25 tháng 6 năm 2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công ty, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2025/QĐ-CTUBND ngày 02/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Quyết định 2112/QĐ-SYT ngày 22/12/2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu, chi nguồn thu hoạt động sự nghiệp tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế năm 2026;*

*Xét nội dung đề nghị của Khoa Dược- VT,TBYT tại Tờ trình số 02 /TTr-KD ngày 09 / 09 /2026 về việc xin Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua sắm hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Trà Bồng.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua sắm hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Trà Bồng với nội dung chi tiết như sau:

| STT | Tên chủ đầu tư | Tên chủ đầu tư | | Giá gói thầu (Đơn vị tính: đồng) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng | Tùy chọn mua thêm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tên gói thầu | Tóm tắt công việc chính của gói thầu | | | | | | | | | |
| 1 | Bệnh viện Đa khoa khu vực Trà Bồng | Mua sắm hóa chất xét nghiệmphục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Trà Bồng | Mua sắm hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Trà Bồng | 228.170.000 *(chi tiết như phụ lục đính kèm)* | Quyết định 2112/QĐ-SYT ngày 22/12/2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu, chi nguồn thu hoạt động sự nghiệp tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế năm 2026 và các nguồn thu hợp pháp khác | Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn | Một giai đoạn 1 túi hồ sơ, xét theo từng mặt hàng | 10 ngày | Quí III/2026 | Trọn gói | 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. | Không áp dụng |
| **Tổng giá gói thầu** | | | | **228.170.000** | | | | | | | | |

**Điều 2.** Quyết định này là cơ sở để các bộ phận có chức năng tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.**Trưởng các khoa phòng: Tổ chức hành chính- Tài chính kế toán, phòng Kế hoạch tổng hợp – điều dưỡng; Khoa Dược – VT,TBYT và các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*
- Như điều 4;
- Lưu: VT,Dược.

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TRÀ BỒNG

Hồ Văn Toàn

PHỤ LỤC

**DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM PHỤC VỤ KHÁM CHỮA BỆNH NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 712/QĐ-BVĐKKV ngày 09/ 9 /2026 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Trà Bồng)

| STT | Tên hàng hóa | Tiêu chuẩn kỹ thuật | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | ĐVT | Số lượng | Đơn giá kế hoạch (đồng) | Thành tiền kế hoạch(đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | AST | - Hóa chất xét nghiệm định lượng AST trong huyết tương và huyết thanh. - THÀNH PHẦN THUỐC THỬ Tris buffer ≤ 90 mM pH 7.65, L-aspartate ≤ 250 mM, 2-Oxoglutarate ≤ 14 mM, Hộp: R1: 4x40 mL + R2: 4x10 mL | Archem | Thổ Nhĩ Kỳ | Hộp | 6 | 1.650.000 | 9.900.000 |
| 2 | ALT | - Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT trong huyết thanh - THÀNH PHẦN THUỐC THỬ Tris buffer : ≤ 120 mM pH 7.15 L-Alanine : ≤ 550 mM 2-Oxoglutarate : ≤ 18 mM Hộp: R1: R1: 4x40 mL + R2: 4x10 mL | Archem | Thổ Nhĩ Kỳ | Hộp | 6 | 1.650.000 | 9.900.000 |
| 3 | Glucose | - Hóa chất xét nghiệm định lượng glucose trong Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và CSF (dịch não tủy) - THÀNH PHẦN THUỐC THỬ Phosphate buffer pH 6.50 ≤ 240 mM, GOD ≥ 15000 U/L, POD ≥ 500 U/L, Hộp: R1: 4x60 mL | Archem | Thổ Nhĩ Kỳ | Hộp | 6 | 1.550.000 | 9.300.000 |
| 4 | Creatinin | - Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trong huyết thanh và nước tiểu người.<br>- THÀNH PHẦN THUỐC THỬ<br>R1: Thuốc thử picric Picnic axit: 17,5 mmol / L<br>R2: Thuốc thử kiềm Natri Hidroxit: 0,29 mol / L<br>Hộp: R1: 4x60 mL + R2: 4x15 mL | Archem | Thổ Nhĩ Kỳ | Hộp | 6 | 2.000.000 | 12.000.000 |
| 5 | UREA/BUN | -- Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết thanh hoặc nước tiểu<br>- THÀNH PHẦN THUỐC THỬ<br>Tris buffer ≤ 120 mM pH 7.60,<br>2-Oxoglutarate ≤ 8 mM,<br>ADP ≤ 1.6 mM,<br>Urease > 8 KU/L,<br>Hộp:R1: 4x50 mL + R2: 4x12,5 mL | Archem | Thổ Nhĩ Kỳ | Hộp | 8 | 2.300.000 | 18.400.000 |
| 6 | Acid Uric | - Hóa chất xét nghiệm được định lượng axit uric trong huyết thanh hoặc huyết tương<br>- THÀNH PHẦN THUỐC THỬ<br>Phosphate : ≤ 120 mmol/L<br>Detergent : ≤ 1.8 g/L<br>Dichlorophenolsulfonate : ≤ 4.4 mmol/L<br>Uricase : > 0.12 U/mL, Hộp: 4x60 ml | Archem | Thổ Nhĩ Kỳ | Hộp | 1 | 2.300.000 | 2.300.000 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Calcium | - Hóa chất xét nghiệm định lượng CALCIUM trong huyết thanh và huyết tương<br>- THÀNH PHẦN THUỐC THỬ<br>Arsenazo (III): ≤ 0.2 mmol<br>Good's buffer: ≤ 50 mmol pH 6.8<br>Stabilizers, Hộp R1: 6x40 mL | Archem | Thổ Nhĩ Kỳ | Hộp | 1 | 1.950.000 | 1.950.000 |
| 8 | Control Serum level 1 | Hóa chất dùng để nội kiểm sinh hóa mức bình thường Lọ: 5ml | Randox | Anh Quốc | Lọ | 2 | 850.000 | 1.700.000 |
| 9 | Wash solution | Dùng trong xét nghiệm sinh hóa để rửa máy sinh hóa tự động. Can 2lit | Diamond | Mỹ | Lọ | 2 | 4.200.000 | 8.400.000 |
| 10 | System calibrator | Hóa chất dùng để hiệu chuẩn máy sinh hóa Lọ: 5ml | Randox | Anh Quốc | Lọ | 2 | 850.000 | 1.700.000 |
| 11 | cholesterol | - Hóa chất xét nghiệm định lượng cholesterol trong huyết thanh. THÀNH PHẦN THUỐC THỬ<br>Good's buffer : pH 7.2 sodium cholate : ≤ 8.3 mM<br>CHE : ≥ 400 U/L Hộp: R1: 4x60 mL | Archem | Thổ Nhĩ Kỳ | Hộp | 6 | 2.130.000 | 12.780.000 |
| 12 | Isotonac 3 | Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học<br>Can: ≥18 lit<br>Tương thích với máy huyết học Mek 1301 Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE | IVD PA | Việt Nam | Can | 30 | 2.600.000 | 78.000.000 |
| 13 | Hemolynac 310 | Dùng để ly giải dùng cho máy huyết học:<br>Lọ: ≥ 250ml<br>Tương thích với máy huyết học Mek 1301, Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE | IVD PA | Việt Nam | Lọ | 10 | 2.610.000 | 26.100.000 |
| 14 | Cleanac 710 | Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học<br>Can: ≥2 lít<br>Tương thích với máy huyết học Mek 1301, Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE | IVD PA | Việt Nam | Can | 10 | 2.890.000 | 28.900.000 |
| 15 | Cleanac 3 | Chất tẩy rửa dùng cho máy phân tích huyết học<br>Can: ≥5 lít<br>Tương thích với máy huyết học Mek 1301, Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE | IVD PA | Việt Nam | Can | 2 | 3.420.000 | 6.840.000 |
| TỔNG CỘNG | | 15 mặt hàng | | | | | | 228.170.000 |

QUẢNG NGÃI VIỆN HOA VỰC BỒNG